



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 07

Ngày 15 tháng 01 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| 09-12-2015- | Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND về quy định chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố. | 3 |
| 09-12-2015- | Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND về việc tạm dừng thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 6 |
| 09-12-2015- | Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND về phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn 2016 - 2020. | 8 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-12-2015- Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2016. 10

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 11-12-2015- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND về chương trình hoạt động giám sát năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố. 52
- 11-12-2015- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2016. 54

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-12-2015- Chỉ thị số 23/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và ngân sách năm 2016. 64

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2015/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về quy định chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 20 (Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 12 năm 2015)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước.

Xét Tờ trình số 7112/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quy định chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo

thẩm tra số 612/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn thành phố, cụ thể:

1. Phạm vi áp dụng:

Các cơ quan hành chính nhà nước cấp thành phố, quận, huyện, phường, xã, thị trấn áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông như:

- a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;
- b) Ủy ban nhân dân quận, huyện;
- c) Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận, huyện (thuộc biên chế của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, huyện).

c) Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (thuộc 07 chức danh công chức cấp xã được quy định tại Luật Cán bộ, công chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phân công căn cứ vào tình hình cụ thể tại địa phương).

3. Mức chi:

Công chức thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này (danh sách công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải được thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn phê duyệt) được hỗ trợ mức 400.000 đồng/người/tháng.

Công chức thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này khi làm nhiệm vụ chuyển hồ sơ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: được thanh toán công tác phí theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ

Tài chính với quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Thời gian thực hiện: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện nghị quyết này và thường xuyên rà soát lại số lượng công chức được bố trí công tác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Điều 3. Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá VIII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2015/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tạm dừng thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện
đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI
(Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 12 năm 2015)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006-NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Thực hiện Nghị quyết số 72/NQ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc tạm dừng thu phí sử dụng đường bộ trên đầu phương tiện đối với xe mô tô từ ngày 01 tháng 01 năm 2016;

Xét Tờ trình số 7222/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tạm dừng thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Báo cáo thẩm tra số 610/BC-KTNS ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tạm dừng thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 31/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này và có trách nhiệm báo cáo Chính phủ.

Điều 3. Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2015/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với
nước thải sinh hoạt giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 20
(Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 12 năm 2015)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Xét Tờ trình số 7312/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn 2016 - 2020, Báo cáo thẩm tra số 609/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Về phương thức thu: theo tỷ lệ % trên giá nước sạch.
- Về mức thu là 10% trên giá nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Thời gian thực hiện thu phí: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thành phố Khóa VIII, tại kỳ họp thứ 20 về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2016;

Xét đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 9478/STC-NS ngày 10 tháng 12 năm 2015 về trình giao dự toán thu chi ngân sách thành phố năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho cơ quan thu, các Sở, cơ quan ngang Sở và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ tiêu về dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2016 ban hành kèm theo Quyết định này, như sau:

1.1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 298.300 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước phân nội địa:
 - + Chỉ tiêu pháp lệnh: 177.600 tỷ đồng;
 - + Chỉ tiêu phấn đấu: tăng tối thiểu 5% so chỉ tiêu pháp lệnh.
- Thu từ dầu thô: 18.200 tỷ đồng.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 102.500 tỷ đồng.

1.2. Thu quản lý qua ngân sách nhà nước: 2.500 tỷ đồng, bao gồm:

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 2.150 tỷ đồng.
- Thu từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: 350 tỷ đồng.

1.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 63.800 tỷ đồng.

Trong đó: chi thường xuyên 34.630 tỷ đồng.

1.4. Số bổ sung cân đối từ ngân sách Thành phố cho ngân sách từng quận - huyện.

(Các Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2016 được giao, các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2016 như sau:

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 từ các nguồn sau:

- Sử dụng 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương).

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2016 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có thu. Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế, sử dụng tối thiểu 35% số thu để lại theo chế độ (sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao, kinh phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật nếu đã kết cấu trong giá dịch vụ, khám chữa bệnh).

- Sử dụng 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm cả dự toán và trong tổ chức thực hiện).

2. Ngoài tiết kiệm 10% chi thường xuyên nêu tại Khoản 1 Điều này, thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương.

Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khoản tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên theo đúng quy định sau khi Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị dự toán cấp I khi tiến hành phân bổ và giao dự toán chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phải khớp đúng dự toán được Ủy ban nhân dân Thành phố giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi, phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật.

3.2. Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định cụ thể dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phân bổ ngân sách cấp quận - huyện; giao dự toán thu - chi ngân sách cho các cơ quan đơn vị cùng cấp và dự toán thu - chi ngân sách cho cấp dưới trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ thu chi ngân sách được giao, trước ngày 20 tháng 12 năm 2015. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Tài chính kết quả quyết định và giao dự toán ngân sách năm 2016 cho các đơn vị trực thuộc chậm nhất là 05 ngày sau khi quyết định phân bổ dự toán.

3.3. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2016, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp xã, thị trấn; Ủy ban nhân dân phường căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân quận về giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2016 để phân bổ ngân sách cấp mình trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.4. Các cơ quan nhà nước, đơn vị dự toán cấp I, các cấp chính quyền quận - huyện, phường - xã, thị trấn phải thực hiện công tác phân bổ, giao dự toán ngân sách theo đúng các nguyên tắc, nội dung do Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước quy định; đảm bảo đến ngày 01 tháng 01 năm 2016, đơn vị sử dụng ngân sách và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch nhận được dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách.

Trong trường hợp sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 đơn vị dự toán cấp I phân bổ chưa hết dự toán được giao, cơ quan tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán chi của đơn vị để điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác hoặc bổ sung dự phòng ngân sách theo quy định của Chính phủ. Các nhiệm vụ mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán chưa xác định rõ đơn vị thực hiện được phân bổ chậm, song đơn vị dự toán cấp I phải báo cáo và được cơ quan tài chính cùng cấp chấp nhận cho phân bổ chậm, thời gian chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2016.

3.5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc đảm bảo thực hiện đúng chỉ tiêu được giao.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố, Giám đốc Kho bạc nhà nước Thành phố, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan ngang Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016
(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)

Đơn vị: triệu đồng

PHẦN THU										PHẦN CHI									
ST T	Nội dung	Thực hiện năm 2014	Dự toán năm 2015	Ước thực hiện năm 2015	Dự toán năm 2016	So sánh				ST T	Nội dung	Thực hiện năm 2014	Dự toán năm 2015	Ước thực hiện năm 2015	Dự toán năm 2016	So sánh			
						3/2	3/1	4/2	4/3							3/2	3/1	4/2	4/3
I	Tổng thu cân đối NSNN (không tính ghi thu ghi chi)	248,583,741	265,776,000	267,955,000	298,300,000	100.82	107.79	112.24	111.32		Tổng chi ngân sách địa phương (không tính ghi thu ghi chi)	52,440,228	54,615,928	57,044,474	63,800,649	104.45	108.78	116.82	111.84
-	Tổng thu cân đối NSNN (không tính dầu thô và GTGC)	216,113,466	233,776,000	245,155,000	280,100,000	104.87	113.44	119.82	114.25	I	Chi ngân sách cân đối địa phương	49,983,895	53,336,889	57,044,474	62,388,159	106.95	114.13	116.97	109.37
1	Thu nội địa	127,157,277	143,776,000	151,155,000	177,600,000	105.13	118.87	123.53	117.50	1	Chi đầu tư phát triển	21,254,083	21,375,489	26,267,547	26,546,759	122.89	123.59	124.19	101.06
2	Thu từ dầu thô	32,470,275	32,000,000	22,800,000	18,200,000	71.25	70.22	56.88	79.82		Trong đó:								
3	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	88,956,189	90,000,000	94,000,000	102,500,000	104.44	105.67	113.89	109.04		- Chi đầu tư phát triển	17,516,136	16,959,489	19,846,000	22,573,459	117.02	113.30		
											- Chi trả vốn gốc và lãi vay	3,737,947	4,416,000	6,421,547	3,973,300			89.98	

II	Thu ngân sách địa phương (không tính ghi thu ghi chi, thu chuyên nguồn, thu kết dư)	51,413,253	54,615,928	62,274,190	63,800,649	114.02	121.12	116.82	102.45	2	Chi thường xuyên	28,718,412	31,500,000	30,765,527	34,630,000			
1	Thu NS địa phương hưởng theo phân cấp	42,045,052	43,589,090	51,548,380	58,956,200	118.26	122.60	135.25	114.37		Trong đó: dự phòng NS		1,290,439		2,400,000	0.00		185.98
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	23,956,073	26,894,590	26,645,730	32,620,900	99.07	111.23	121.29	122.42	3	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		450,000		1,200,000			266.67
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	18,088,979	16,694,500	24,902,650	26,335,300	149.17	137.67	157.75	105.75	4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11,400	11,400	11,400	11,400			
2	Bổ sung từ NSTW	2,517,968	1,279,039	4,050,168	1,412,490	316.66	160.85	110.43	34.87	II	Chi từ nguồn bổ sung của NSTW (*)	2,456,333	1,279,039	1,300,168	1,412,490	101.65	52.93	110.43
3	Nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	0	897,799	897,799	931,959													
4	Huy động vốn để chi đầu tư phát triển	5,000,000	6,700,000	3,000,000	0													
5	Các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách	0	0	387,843	0													
6	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	1,850,233	2,150,000	2,390,000	2,500,000													

(*). Thực hiện chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW được tổng hợp vào tổng chi đầu tư phát triển (mục 1) và chi thường xuyên (mục 2).

Thành phố Hồ Chí Minh

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	TH 2014	NĂM 2015		DỰ TOÁN 2016	So sánh			
		DT 2015	ƯTH 2015		ƯTH/ DT2015	ƯTH 2015/ CK	DT201 6/DT20 15	DT2016/ ƯTH201 5
1	2	3	4	5				
TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (không tính ghi thu ghi chi)	248.583,741	265,776,000	267,955,000	298,300,000	100.82	107.79	112.24	111.32
<i>Tổng thu cân đối NSNN (không tính ghi thu ghi chi và đầu thô)</i>	<i>216,113,466</i>	<i>233,776,000</i>	<i>245,155,000</i>	<i>280,100,000</i>	<i>104.87</i>	<i>113.44</i>	<i>119.82</i>	<i>114.25</i>
I. Thu nội địa	127,157,277	143,776,000	151,155,000	177,600,000	105.13	118.87	123.53	117.50
<i>Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất</i>	<i>121,140,322</i>	<i>132,970,000</i>	<i>136,070,000</i>	<i>164,200,000</i>	<i>102.33</i>	<i>112.32</i>	<i>123.49</i>	<i>120.67</i>
1. Thu từ khu vực kinh tế	91,935,002	103,823,000	99,760,000	120,520,000	96.09	108.51	116.08	120.81
1.1/ Thu từ các DNNN do TW quản lý	15,395,477	17,950,000	16,452,000	20,170,000	91.65	106.86	112.37	122.60
Thuế GTGT	6,541,337	7,156,000	7,250,000	9,030,000	101.31	110.83	126.19	124.55
Thuế TNDN	4,540,036	5,112,000	4,847,000	5,800,000	94.82	106.76	113.46	119.66
<i>Trong đó: hạch toán toàn ngành</i>	<i>134,217</i>	<i>220,000</i>	<i>200,000</i>	<i>180,000</i>	<i>90.91</i>	<i>149.01</i>	<i>81.82</i>	<i>90.00</i>
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	4,287,727	5,643,000	4,300,000	5,300,000	76.20	100.29	93.92	123.26
Thuế môn bài	3,072	2,800	3,800	3,800	135.71	123.70	135.71	100.00
Thuế tài nguyên	777	700	900	1,000	128.57	115.83	142.86	111.11
Thu nhập sau thuế thu nhập	0	0	0	0				
Thu hồi vốn và thu khác (051.04)	22,528	35,500	50,300	35,200	141.69	223.28	99.15	69.98
1.2/ Thu từ các DNNN do địa phương quản lý	10,164,748	10,250,000	11,098,000	12,650,000	108.27	109.18	123.41	113.98
Thuế GTGT	3,046,054	3,078,000	3,280,000	4,100,000	106.56	107.68	133.20	125.00
Thuế TNDN	2,544,557	2,331,000	2,093,000	2,510,000	89.79	82.25	107.68	119.92
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	2,059,558	2,431,000	2,250,000	2,670,000	92.55	109.25	109.83	118.67
Thuế môn bài	3,805	3,400	3,600	3,500	105.88	94.61	102.94	97.22
Thu sử dụng vốn	0	0	0	0				
Thuế tài nguyên	14,874	16,000	14,000	14,000	87.50	94.12	87.50	100.00
Thu sự nghiệp	0	0	0	0				
Thu nhập sau thuế thu nhập	2,462,317	2,350,000	3,370,000	3,300,000	143.40	136.86	140.43	97.92
Thu hồi vốn và thu khác (051.04)	33,583	40,600	87,400	52,500	215.27	260.25	129.31	60.07
1.3/ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	37,022,018	42,023,000	39,684,000	48,700,000	94.43	107.19	115.89	122.72
Thuế GTGT	12,165,945	13,623,000	14,050,000	17,300,000	103.13	115.49	126.99	123.13
Thuế TNDN	16,381,724	17,920,000	15,174,000	18,600,000	84.68	92.63	103.79	122.58
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	6,791,087	7,829,000	8,150,000	10,100,000	104.10	120.01	129.01	123.93

Thu từ khí thiên nhiên	1,425,033	2,250,000	1,710,000	2,010,000	76.00	120.00	89.33	117.54
Thuế chuyển thu nhập	552	0	0	0		0.00		
Thuế môn bài	10,792	8,300	11,000	11,000	132.53	101.93	132.53	100.00
Thuế tài nguyên	1,745	1,700	1,900	2,000	111.76	108.88	117.65	105.26
Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	163,781	154,000	395,000	500,000	256.49	241.18	324.68	126.58
Các khoản thu khác (051.04)	81,359	237,000	192,100	177,000	81.05	236.11	74.68	92.14
1.4/ Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	29,352,759	33,600,000	32,526,000	39,000,000	96.80	110.81	116.07	119.90
Thuế GTGT	15,672,312	18,020,000	17,770,000	21,950,000	98.61	113.38	121.81	123.52
Thuế TNDN	12,406,787	14,209,000	13,136,000	15,300,000	92.45	105.88	107.68	116.47
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	414,866	581,000	431,000	550,000	74.18	103.89	94.66	127.61
Thuế môn bài	406,702	380,000	395,000	390,000	103.95	97.12	102.63	98.73
Thuế tài nguyên	6,773	5,500	12,000	15,000	218.18	177.17	272.73	125.00
Thu khác ngoài quốc doanh	445,319	404,500	782,000	795,000	193.33	175.60	196.54	101.66
2. Thu từ hoạt động khác	35,222,275	39,953,000	51,395,000	57,080,000	128.64	145.92	142.87	111.06
2.1 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	192,297	175,000	190,000	200,000	<u>108.57</u>	<u>98.81</u>	<u>114.29</u>	<u>105.26</u>
2.2 Thuế nông nghiệp	396	0	0	0		0.00		
2.3 Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	17,917,612	18,350,000	20,300,000	23,800,000	<u>110.63</u>	<u>113.30</u>	<u>129.70</u>	<u>117.24</u>
2.4 Thuế bảo vệ môi trường	2,066,018	2,250,000	4,800,000	7,000,000	<u>213.33</u>	<u>232.33</u>	<u>311.11</u>	<u>145.83</u>
2.5 Thu phí, lệ phí	1,727,756	1,750,000	2,290,000	2,900,000	<u>130.86</u>	<u>132.54</u>	<u>165.71</u>	<u>126.64</u>
2.6 Thu khác ngân sách (kể cả thu tại xã)	1,973,620	1,822,000	1,890,000	1,680,000	<u>103.73</u>	<u>95.76</u>	<u>92.21</u>	<u>88.89</u>
2.7 Thu tiền sử dụng đất	6,016,955	10,806,000	15,085,000	13,400,000	<u>139.60</u>	<u>250.71</u>	<u>124.01</u>	<u>88.83</u>
<i>Bao gồm: + Số ghi thu của TW</i>		<i>4,306,000</i>	<i>4,500,000</i>	<i>3,300,000</i>	<i>104.51</i>	-	<i>76.64</i>	<i>73.33</i>
<i>+ Số thu của TP</i>	<i>6,016,955</i>	<i>6,500,000</i>	<i>10,585,000</i>	<i>10,100,000</i>	<i>162.85</i>	<i>175.92</i>	<i>155.38</i>	<i>95.42</i>
2.8 Thuế chuyển quyền sử dụng đất	27	0	0	0	-	<u>0.00</u>	-	-
2.9 Thu tiền bán nhà ở thuộc SHNN	259,637	100,000	340,000	200,000	<u>340.00</u>	<u>130.95</u>	<u>200.00</u>	<u>58.82</u>
2.10 Lệ phí trước bạ	3,347,307	3,350,000	4,250,000	5,000,000	<u>126.87</u>	<u>126.97</u>	<u>149.25</u>	<u>117.65</u>
2.11 Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	1,720,650	1,350,000	2,250,000	2,900,000	<u>166.67</u>	<u>130.76</u>	<u>214.81</u>	<u>128.89</u>
II. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng NK do Hải quan thu	88,956,189	90,000,000	94,000,000	102,500,000	104.44	105.67	113.89	109.04
+ Thuế XK, NK, TTĐB và thu chênh lệch	33,290,373	25,200,000	35,300,000	35,000,000	<u>140.08</u>	<u>106.04</u>	<u>138.89</u>	<u>99.15</u>
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	55,650,294	64,800,000	58,700,000	67,500,000	<u>90.59</u>	<u>105.48</u>	<u>104.17</u>	<u>114.99</u>
+ Thuế bổ sung đối với HH nhập khẩu vào VN và khác	15,522				-	<u>0.00</u>	-	-
III. Thu từ dầu thô	32,470,275	32,000,000	22,800,000	18,200,000	71.25	70.22	56.88	79.82
TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (không tính ghi thu ghi chi, thu chuyển nguồn, thu kết dư)	51,413,253	54,615,928	62,274,190	63,800,649	114.02	121.12	116.82	102.45
A. Các khoản thu cân đối	49,563,020	52,465,928	59,884,190	61,300,649	114.14	120.82	116.84	102.37

Thành phố Hồ Chí Minh

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)

Đvt: triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	Thực hiện 2014	Dự toán 2015	ƯTH 2015 (**)	So sánh (%)		DỰ TOÁN 2016	So sánh (%)	
				So DT 2015	So TH 2014		So DT 2015	So ƯTH 2015
A	1	2	3	3/2	3/1	4	4/2	4/CK
TỔNG CHI NS ĐỊA PHƯƠNG (không tính chi chuyên nguồn, ghi thu ghi chi)	52,440,228	54,615,928	57,044,474	104.45	108.78	63,800,649	116.82	111.84
A. Chi cân đối ngân sách	49,983,895	53,336,889	57,044,474	106.95	114.13	62,388,159	116.97	109.37
<u>I/ Chi Đầu tư phát triển</u>	<u>21,254,083</u>	<u>21,375,489</u>	<u>26,267,547</u>	<u>122.89</u>	<u>123.59</u>	<u>26,546,759</u>	<u>124.19</u>	<u>101.06</u>
- Chi trả vốn và lãi vay	3,737,947	4,416,000	6,421,547	145.42	171.79	3,973,300	89.98	61.87
- Chi đầu tư phát triển (*)	17,516,136	16,959,489	19,846,000	117.02	113.30	22,573,459	133.10	113.74
<u>II/ Chi Thường xuyên</u>	<u>28,718,412</u>	<u>31,500,000</u>	<u>30,765,527</u>	<u>97.67</u>	<u>107.13</u>	<u>34,630,000</u>	<u>109.94</u>	<u>112.56</u>
1. Chi trợ giá	1,196,263	1,180,000	1,011,500	85.72	84.55	1,150,000	97.46	113.69
2. Chi sự nghiệp kinh tế	3,774,087	4,210,410	4,063,279	96.51	107.66	4,900,796	116.40	120.61
- SN Nông lâm thủy lợi	270,886	332,535	336,522	101.20	124.23	420,146	126.35	124.85
- Duy tu giao thông	1,685,431	1,829,183	1,795,967	98.18	106.56	986,324	53.92	54.92
- SN Kiến thiết thị chính	1,248,089	1,159,146	1,159,146	100.00	92.87	2,624,648	226.43	226.43
- Sự nghiệp kinh tế khác	569,681	889,546	771,644	86.75	135.45	869,678	97.77	112.70
3. SN môi trường	2,425,457	2,830,602	3,071,398	108.51	126.63	2,904,637	102.62	94.57
4. SN nghiên cứu khoa học	247,149	371,234	368,641	99.30	149.16	417,755	112.53	113.32
5. SN giáo dục và đào tạo	8,143,139	8,759,235	8,911,288	101.74	109.43	9,185,283	104.86	103.07
- Sự nghiệp Giáo dục	7,214,341	7,907,486	8,063,868	101.98	111.78	8,264,135	104.51	102.48
- Sự nghiệp Đào tạo	928,798	851,749	847,420	99.49	91.24	921,148	108.15	108.70
6. Chi sự nghiệp y tế	3,517,139	3,127,182	2,901,563	92.79	82.50	2,672,377	85.46	92.10
7. SN Văn hóa thông tin	340,903	445,929	451,814	101.32	132.53	408,546	91.62	90.42
8. SN Truyền thanh	33,395	34,042	36,668	107.71	109.80	33,529	98.49	91.44
9. SN Thể dục Thể thao	403,599	467,367	465,013	99.50	115.22	444,956	95.20	95.69
10. Chi đảm bảo xã hội	1,696,974	1,946,695	2,468,112	126.78	145.44	2,689,237	138.14	108.96
11. Chi quản lý hành chính	4,770,340	4,941,785	5,090,014	103.00	106.70	5,133,427	103.88	100.85
- Chi Quản lý nhà nước	3,343,344	3,412,005	3,452,026	101.17	103.25	3,640,619	106.70	105.46
- Chi BS hoạt động của Đảng	739,910	875,280	925,689	105.76	125.11	830,671	94.90	89.74

- Chi hoạt động đoàn thể	687,086	654,500	712,299	108.83	103.67	662,137	101.17	92.96
12. Chi Khác	2,169,967	1,895,080	1,926,237	101.64	88.77	2,289,457	120.81	118.86
- An ninh quốc phòng	885,798	953,611	1,029,569	107.97	116.23	1,079,740	113.23	104.87
- Chi Khác	1,284,169	941,469	896,668	95.24	69.82	1,209,717	128.49	134.91
13. Chi từ dự bị phí	-	1,290,439	-	0.00	-	2,400,000	185.98	-
III/ Chi nguồn TH CC tiền lương	-	450,000	-	-	-	1,200,000	266.67	-
IV/ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11,400	11,400	11,400	100.00	100.00	11,400	100.00	100.00
B. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương	2,456,333	1,279,039	1,300,168	101.65	52.93	1,412,490	110.43	108.64
C. Bổ sung NS cấp dưới (không cộng tổng số)	15,686,410	9,020,164				9,711,037		

(*) Chi đầu tư phát triển đã bao gồm chi từ nguồn xổ số kiến thiết; Chi thường xuyên đã bao gồm chi từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho công tác duy tu thoát nước.

(**) Ước thực hiện năm 2015: chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW được tổng hợp vào tổng chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH**Đơn vị: CỤC THUẾ THÀNH PHỐ****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân Thành phố giao***(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)**Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	DỰ TOÁN THU	
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phân đầu
Tổng số	195,800,000 (*)	
1. Thu ngân sách nhà nước phần nội địa	177,600,000	Tăng tối thiểu 5% so chỉ tiêu pháp lệnh
2. Thu từ dầu thô	18,200,000	

(*) Cục Thuế có trách nhiệm phân bổ các chỉ tiêu trên cho các đơn vị trực thuộc.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH**Đơn vị: CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân Thành phố giao***(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)**Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	DỰ TOÁN THU	
Tổng số	102,500,000	
1. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT hàng hóa nhập khẩu	35,000,000	
2. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu	67,500,000	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH**Đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT THÀNH PHỐ****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân Thành phố giao***(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)**Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	DỰ TOÁN THU
Tổng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2,150,000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Thành phố Hồ Chí Minh**DỰ TOÁN CHI TỪ NGÂN SÁCH NĂM 2016
CHỖ CÁC ĐƠN VỊ DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)**Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2015	Dự toán 2016	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng cộng	14,559,716	14,870,095	
1	Văn phòng đoàn đại biểu quốc hội & Hội đồng nhân dân Thành phố	20,896	24,260	
2	Văn phòng Tiếp công dân TP	5,531		
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	77,066	93,476	
	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	74,502	84,322	
	Trung tâm Tin học Thành phố	1,303	1,421	
	Trung tâm công báo Thành phố	1,261	1,293	
	Ban Tiếp công dân Thành phố		6,440	Tổ chức lại Văn phòng Tiếp công dân Thành phố thành Ban Tiếp công dân Thành phố trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quyết định số 6278/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố
4	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	324,659	418,757	
	Trung tâm khuyến nông	34,296	36,796	

	Chi cục bảo vệ thực vật	16,046	16,631	Dự phòng 500 triệu đồng
	Trung tâm Công nghệ sinh học	33,255	50,502	Dự phòng 1.200 triệu đồng
	Trung tâm Tư vấn & Hỗ trợ chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	14,583	18,155	Dự phòng 3.042 triệu đồng
	Trung tâm quản lý & Kiểm định giống cây trồng Vật nuôi	25,746	33,156	Dự phòng 1.323 triệu đồng
	Chi cục Thú y	74,110	116,844	Dự phòng 75.610 triệu đồng
	Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão	11,190	16,856	Dự phòng 2.980 triệu đồng
	Chi cục Lâm nghiệp	17,142	20,518	Dự phòng 1.312 triệu đồng
	Chi cục Phát triển nông thôn	19,389	15,765	
	Ban Quản lý dự án LIFSAP Thành phố	1,840	1,840	
	Kinh phí chương trình mục tiêu nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	0	0	
	Ban quản lý trung tâm thủy sản TP	1,637	1,558	
	Chi cục Quản lý chất lượng & bảo vệ nguồn lợi thủy sản	11,657	13,790	
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15,056	21,121	
	Chi cục Kiểm lâm	18,641	21,121	Dự phòng 1.700 triệu đồng
	Trường Trung cấp Kỹ thuật nông nghiệp	9,335	8,927	
	Kinh phí bù hụt thu thủy lợi phí	20,736	25,177	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	44,994	39,569	

	Kinh phí xúc tiến đầu tư	5,000	5,000	
	Trung tâm Tư vấn đầu thầu và Hỗ trợ đầu tư	1,179	1,228	
	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	38,815	33,341	Dự phòng 299 triệu đồng
6	Sở Tư pháp	29,249	30,005	
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	4,309	5,759	Dự phòng 100 triệu đồng
	Trung tâm Thông tin và Tư vấn Công chứng	1,648	0	
	Văn phòng Sở Tư pháp	23,292	24,246	
7	Sở Công Thương	156,039	165,701	
	Kinh phí xúc tiến thương mại	11,000	11,000	
	Trung tâm phát triển Công nghiệp Hỗ trợ thành phố	1,748	7,266	Dự phòng 5.606 triệu đồng
	Văn phòng Sở Công Thương	37,919	43,280	Dự phòng 9.235 triệu đồng
	Chi cục Quản lý thị trường	91,603	91,851	Dự phòng 100 triệu đồng
	Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ	13,769	12,304	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	220,753	245,576	
	Trung tâm thông tin khoa học công nghệ	7,155	7,977	
	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	10,360	9,616	
	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	4,833	6,094	

	Trung tâm Thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH)	3,796	0	
	Trung tâm ứng dụng hệ thống thông tin địa lý	2,025	0	
	Viện Khoa học công nghệ tính toán	8,722	10,435	Dự phòng 1.410 triệu đồng
	Trung tâm nghiên cứu và chuyên gia công nghệ	1,500	0	
	Kinh phí nghiên cứu khoa học	167,601	198,668	
	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	14,761	12,786	
9	Sở Tài chính	33,627	38,236	
	Văn phòng Sở	30,891	38,236	Dự phòng mua 01 xe chuyên dùng 1.200 triệu đồng
	Kinh phí Ban chỉ đạo, Hội đồng.	2,736		
10	Chi cục Tài chính doanh nghiệp	8,199	7,614	Dự phòng 130 triệu đồng
11	Sở Xây dựng	172,621	174,450	
	Trung tâm Thông tin và Dịch vụ xây dựng	5,214	6,073	
	Văn phòng Sở Xây dựng	159,462	161,801	Dự phòng 5.254 triệu đồng
	Trường Trung cấp Xây dựng	7,945	6,576	
12	Sở Giao thông vận tải	2,925,723	3,070,322	
	Khu quản lý giao thông đô thị số 1	11,606	11,266	
	Khu quản lý giao thông đô thị số 2	6,910	6,718	

	Khu quản lý giao thông đô thị số 3	6,425	6,187	
	Khu quản lý giao thông đô thị số 4	5,317	6,438	
	Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	36,863	37,641	Dự phòng 16.385 triệu đồng
	Khu quản lý đường thủy nội địa	14,344	18,840	Dự phòng 253 triệu đồng
	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa	1,378	1,270	
	Cảng vụ đường thủy nội địa	12,474	12,598	
	Trung tâm Quản lý điều hành Vận tải hành khách công cộng	6,519	7,469	Dự phòng 950 triệu đồng
	Ban Quản lý các bến xe vận tải hành khách	633	0	
	Kinh phí Đảm bảo an toàn giao thông	50,000	50,000	Dự phòng 50.000 triệu đồng
	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	28,166	28,977	
	Văn phòng Sở Giao thông vận tải	28,848	25,388	Dự phòng 2.400 triệu đồng
	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	34,033	33,443	
	Kinh phí duy tu giao thông	551,200	611,855	
	- Duy tu cầu	124,902	126,969	
	- Kiểm định cầu		13,863	
	- Duy tu đường	358,773	390,000	
	- Duy tu đường thủy	18,826	41,999	

	- Thoát nước đại lộ Võ Văn Kiệt và Phạm Văn Đồng	21,135		
	- Quản lý, vận hành và bảo trì hầm Thủ Thiêm	27,564	39,024	
	Kinh phí kiến thiết thị chính	777,649	880,998	
	- Chăm sóc công viên cây xanh	411,200	454,653	
	- Duy tu hệ thống chiếu sáng	366,449	403,624	
	- Thoát nước đại lộ Võ Văn Kiệt và Phạm Văn Đồng		22,721	
	- Thảo Cầm Viên	0	0	
	Kinh phí trợ giá xe buýt	1,180,000	1,150,000	
	Điện chiếu sáng công cộng	173,358	181,234	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	1,571,527	1,683,076	
	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	22,905	22,306	
	Sự nghiệp giáo dục	1,330,779	1,427,505	
	Sự nghiệp đào tạo	217,843	233,265	
14	Sở Y tế	1,628,040	1,637,467	
	Văn phòng Sở Y tế	22,231	21,216	Dự phòng 220 triệu đồng
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	19,805	20,252	Dự phòng 100 triệu đồng
	Chi cục dân số và Kế hoạch hóa gia đình	3,996	4,454	

	Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế	6,750	6,750	
	Sự nghiệp Y tế	1,575,258	1,584,795	Dự phòng 69.552 triệu đồng; trong đó mua 04 xe ô tô chuyên dùng 8.200 triệu đồng
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1,306,534	919,257	
	Văn phòng Ban chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố	4,099	16,848	Dự phòng 13.359 triệu đồng
	Ban chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố	620	620	
	Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	36,075	38,968	
	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	8,513	11,203	
	Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động	4,728	5,611	Dự phòng 1.200 triệu đồng; trong đó, mua 01 xe công tác 756 triệu đồng
	Trường Cao đẳng nghề Thành phố	26,952	27,114	
	Trung tâm giáo dục thường xuyên Gia Định	6,340	7,135	
	Trường Nghiệp vụ nhà hàng	4,750	4,331	
	Hoạt động chính sách người có công	21,323	22,851	
	Hoạt động Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	10,453	9,200	Dự phòng 2.000 triệu đồng
	Hoạt động xã hội khác	527,996	570,072	Dự phòng 22.518 triệu đồng; trong đó mua xe 02 xe công tác 2.184 triệu đồng
	KP mua thẻ BHYT cho diện chính sách, xã hội	258,584	201,749	
	KP mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	371,796	0	

	Trung tâm Công tác xã hội trẻ em	4,305	3,555	
	Dự phòng cho Sở Lao động -Thương binh và Xã hội	20,000	0	
16	Sở Văn hóa, Thể thao	770,532	735,281	
	Kinh phí Xúc tiến du lịch	0	0	
	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao	25,633	25,717	Dự phòng 2.000 triệu đồng
	Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình	931	931	
	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật	7,240	7,240	
	Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	172,077	171,961	
	Trường Trung học phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	3,906	3,927	
	Chương trình đào tạo nguồn nhân lực Văn hóa nghệ thuật	25,000	25,000	
	Sự nghiệp Nghệ thuật	51,251	55,991	
	Trung tâm Thông tin triển lãm	10,843	8,200	
	Thư viện Khoa học tổng hợp	10,728	11,161	
	Sự nghiệp Bảo tồn bảo tàng	61,315	65,476	
	Sự nghiệp Thể dục thể thao	249,982	227,687	
	Hoạt động Văn hóa khác	151,626	131,990	
17	Sở Du lịch	41,826	47,617	

	Văn phòng Sở Du lịch	9,483	9,520	Dự phòng 1.000 triệu đồng
	Kinh phí Xúc tiến du lịch	32,343	38,097	Dự phòng 630 triệu đồng
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	2,016,446	2,210,475	
	Chi cục Bảo vệ môi trường	9,656	9,738	
	Ban quản lý các khu liên hợp xử lý chất thải TP	14,416	11,549	Dự phòng mua 01 xe ô tô chuyên dùng 882 triệu đồng
	Sự nghiệp môi trường	36,663	34,445	
	Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường	18,397	32,303	
	Kinh phí Quản lý đất đai	29,487	12,600	Dự phòng 2.489 triệu đồng
	Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố	32,070	113,377	Dự phòng 6.000 triệu đồng; trong đó, mua 02 xe ô tô chuyên dùng 1.200 triệu đồng
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	10,712	9,562	
	Quỹ Bảo vệ môi trường Thành phố	3,065	1,766	Dự phòng 472 triệu đồng
	Văn phòng biến đổi khí hậu	4,020	2,508	
	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	27,676	27,006	
	Dịch vụ vệ sinh môi trường	1,830,284	1,955,621	
19	Sở Thông tin và truyền thông	116,838	123,405	
	Sự nghiệp Thông tin và truyền thông	100,000	110,000	

	Văn phòng Sở Thông tin và truyền thông	13,402	11,994	
	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông	3,436	1,411	
20	Sở Nội vụ	190,645	251,542	
	Văn phòng Sở Nội vụ	23,007	69,069	Dự phòng 50.000 triệu đồng
	Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố	83,452	79,425	
	Ban Tôn giáo	5,778	6,262	
	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	8,408	4,860	
	Trung tâm lưu trữ lịch sử thành phố		1,926	Dự phòng 300 triệu đồng
	Kinh phí đào tạo	70,000	90,000	
21	Thanh tra Thành phố	35,370	36,860	Dự phòng 300 triệu đồng
22	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	28,150	32,741	
	Trung tâm Thông tin quy hoạch	2,335	3,529	Dự phòng 1.095 triệu đồng
	Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc	2,731	4,097	Dự phòng 2.640 triệu đồng
	Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc	23,084	25,115	Dự phòng 3.090 triệu đồng
23	Đài tiếng nói nhân dân	27,066	26,553	
24	Liên minh hợp tác xã	4,520	4,655	Dự phòng 1.524 triệu đồng
25	Ban Dân tộc	14,218	14,204	Dự phòng 1.250 triệu đồng

26	Thanh tra Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố	0	0	
27	Thành Ủy	750,473	707,250	
	Văn phòng Thành Ủy	674,473	629,250	Dự phòng mua 05 xe công tác 5.292 triệu đồng
	Kinh phí đào tạo	40,000	42,000	
	Kinh phí đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ	36,000	36,000	
28	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh.	29,774	21,636	
29	Thành Đoàn	89,172	105,187	
	Ký túc xá sinh viên Lào	1,693	1,612	
	Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm thanh niên	3,189	3,267	
	Trung tâm Hỗ trợ thanh niên công nhân	2,553	3,334	
	Trung tâm Hỗ trợ Học sinh, sinh viên	1,981	2,308	
	Văn phòng Thành đoàn	49,547	61,201	Dự phòng 9.965 triệu đồng
	Trường đoàn Lý Tự Trọng	6,771	5,740	
	Nhà Văn hóa Thanh niên	3,724	3,184	
	Nhà Thiếu nhi thành phố	8,056	10,163	
	Nhà Văn hóa sinh viên	4,362	5,709	
	Trung tâm công tác xã hội Thanh niên	1,704	1,938	

	Trung tâm phát triển khoa học công nghệ trẻ	2,726	3,408	Dự phòng 300 triệu đồng
	Trung tâm sinh hoạt dã ngoại thanh thiếu nhi	2,866	3,323	
30	Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh	20,930	25,528	
	Hội Liên hiệp phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh	20,504	24,042	Dự phòng 4.514 triệu đồng
	Trung tâm giới thiệu việc làm	426	416	
	Trung tâm công tác xã hội Ánh Dương		1,070	
31	Hội Nông dân Thành phố Hồ Chí Minh	11,932	13,373	
	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân	2,923	4,458	
	Hội nông dân Thành phố Hồ Chí Minh	9,009	8,915	
32	Hội cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh	5,955	5,403	
33	Hỗ trợ	51,743	52,242	
	Viện Kiểm sát Nhân dân	6,044	6,044	
	Tòa án Nhân dân	8,070	7,272	
	Cục thi hành án dân sự	3,340	3,439	Dự phòng 450 triệu đồng
	Hội đồng xử lý vàng bạc	110	130	
	Cục Thống kê	5,269	5,141	Dự phòng 2.913 triệu đồng
	Sở Ngoại vụ	13,250	15,450	Dự phòng 2.200 triệu đồng

	Báo Nhân dân	5,060	1,060	
	Cục Thuế	4,000	4,300	
	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng	6,600	8,650	
	Ngân hàng Chính sách Xã hội TP HCM		756	
34	Tổng Cty Du lịch Sài Gòn (hỗ trợ KP đường hoa Nguyễn Huệ)	5,000	5,000	
35	Ban Quản lý đường sắt đô thị	271	332	
36	Ban quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	53,268	73,517	
	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao	25,205	33,415	
	Trung tâm ươm tạo Doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao	13,421	15,384	
	Kinh phí xúc tiến (NNCNC)	400	800	
	Ban quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	6,562	8,385	Dự phòng 2.586 triệu đồng
	Trung tâm dạy nghề Nông nghiệp công nghệ cao		5,368	Dự phòng 4.077 triệu đồng
	Trung tâm khai thác hạ tầng	7,680	10,165	Dự phòng 1.521 triệu đồng
37	Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	48,470	56,647	
	Trung tâm nghiên cứu triển khai	21,010	21,568	
	Kinh phí xúc tiến (Công nghệ cao)	600	1,200	
	Vườn ươm doanh nghiệp Công nghệ cao	3,526	2,791	Dự phòng 135 triệu đồng

	Trung tâm đào tạo	8,136	10,451	Dự phòng 970 triệu đồng
	Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	15,198	20,637	Dự phòng 1.500 triệu đồng
38	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm	11,941	10,853	
	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm	10,691	9,603	Dự phòng 90 triệu đồng
	Kinh phí xúc tiến (Thủ Thiêm)	1,250	1,250	
39	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc Thành phố	6,745	6,606	
	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc Thành phố	6,345	6,206	
	Kinh phí xúc tiến (Tây Bắc)	400	400	
40	Ban quản lý đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Nam TP	9,094	9,027	
	Ban quản lý đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Nam TP	8,694	8,627	
	Kinh phí xúc tiến (Khu Nam)	400	400	
41	Viện nghiên cứu phát triển TP	25,664	25,258	
	Viện nghiên cứu phát triển TP	18,297	20,638	Dự phòng 198 triệu đồng
	Trung tâm WTO	5,003	3,193	Dự phòng 200 triệu đồng
	Trung tâm nghiên cứu phân tích thông tin Thành phố	2,364	1,427	Dự phòng 200 triệu đồng
42	Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	26,742	24,539	
	Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	7,742	5,539	

	Kinh phí xúc tiến (ĐT)	19,000	19,000	
43	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước	719,078	721,134	
	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước	16,628	18,684	Dự phòng mua 01 xe chuyên dùng 870 triệu đồng
	Duy tu hệ thống thoát nước	702,450	702,450	- Đối với công tác xử lý bùn: chỉ giải ngân khi đơn giá được phê duyệt chính thức. - Đối với việc trả nợ Ngân hàng Thế giới: thực hiện theo lịch trả nợ của Ngân hàng.
44	Ban Chỉ đạo Nông nghiệp và nông thôn	0	0	
45	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố	6,134	6,640	Dự phòng 300 triệu đồng
46	Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS thành phố	15,756	19,076	
	Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS thành phố	3,731	4,501	
	KP CTMTQG Ủy ban phòng chống AIDS	12,025	14,575	
47	Ban Quản lý Khu công viên lịch sử Văn hóa dân tộc	24,037	22,058	
48	Ban đổi mới Quản lý doanh nghiệp	2,791	2,646	
49	Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	135,524	138,316	
50	Công an Thành phố	78,389	75,489	Dự phòng 35.001 triệu đồng
51	Trung tâm điều khiển tín hiệu giao thông	1,000	1,000	
52	Cảnh sát phòng cháy chữa cháy TP	29,980	32,796	Dự phòng 6.226 triệu đồng

53	Lực lượng thanh niên xung phong	206,476	275,839	
	Văn phòng lực lượng Thanh niên xung phong	14,166	17,168	Dự phòng 3.862 triệu đồng
	Hoạt động xã hội khác	126,471	178,030	Dự phòng 11.040 triệu đồng; trong đó, mua 01 xe ô tô chuyên dùng 954 triệu đồng
	Trung tâm giáo dục thường xuyên Thanh niên xung phong	6,560	8,178	
	Kinh phí hoạt động của Đội trật tự du lịch	10,289	12,866	Dự phòng 2.577 triệu đồng
	Đội trật tự giao thông TNXP	32,122	40,467	Dự phòng 8.345 triệu đồng
	Dự phòng cho Lực lượng thanh niên xung phong	0	0	
	Duy tu công viên dạ cầu Sài Gòn	1,404	1,476	
	Duy tu phà Bình Khánh	15,464	17,654	
54	Các Hội	59,816	46,981	
	Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật	5,340	6,372	
	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật	19,996	16,846	Dự phòng 14.500 triệu đồng
	Hội Âm nhạc	3,592	1,128	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Nhà văn	2,553	1,209	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Điện ảnh	2,607	599	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Nhiếp ảnh	1,007	550	Dự phòng 50 triệu đồng

	Hội Sân khấu	1,915	1,007	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Chữ thập đỏ	2,375	4,703	Dự phòng 1.198 triệu đồng; trong đó, mua 01 xe chuyên dùng 944 triệu đồng
	Hội Người mù	4,077	4,012	Dự phòng mua 01 xe ô tô công tác 772 triệu đồng
	Hội Mỹ thuật	1,275	769	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Nghệ sĩ múa	1,699	716	Dự phòng 278 triệu đồng
	Hội Khuyến học	835	779	Dự phòng 36 triệu đồng
	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số	615	420	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Nạn nhân Chất độc Da cam/Dioxin	483	483	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Luật gia	1,749	1,803	
	Hội Khoa học, kỹ thuật và Xây dựng	276	218	
	Hội Nhà báo	1,866	1,363	
	Hội Y học	300	300	
	Hội Làm vườn và trang trại	226	226	
	Hội Kiến trúc sư	2,235	683	Dự phòng 50 triệu đồng
	Hội Dược học	68	68	
	Hội Sinh vật cảnh	1,057	245	
	Hội Cựu Thanh niên xung phong	743	540	

	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Thành phố	1,378	886	Dự phòng 450 triệu đồng
	Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh	706	258	
	Đảng đoàn Hiệp hội doanh nghiệp	180	180	
	Hội Đông y	663	618	
55	Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị	6,466	6,932	
56	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	70,447	78,765	Dự phòng 5.506 triệu đồng
57	Trường Đại học Sài Gòn	170,796	174,318	
58	Học viện Cán bộ Thành phố	13,620	13,615	Dự phòng 3.000 triệu đồng
59	Trường Thiếu sinh quân	18,270	13,446	Dự phòng 270 triệu đồng
60	Bảo hiểm xã hội Thành phố	62,000	39,896	
61	Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố	3,013	2,147	Dự phòng 2.000 triệu đồng
62	BQL xây dựng Trung tâm triển lãm quy hoạch Thành phố	0	0	
63	Ban An toàn giao thông TP	1,924	1,992	
	Văn phòng Ban ATGTTP	1,924	1,992	
	Hoạt động đảm bảo an toàn giao thông TP	0	0	
64	Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Tôn Đức Thắng	500	952	
65	Các Công ty TNHH một thành viên thực hiện nhiệm vụ công ích	15,456	22,560	

	Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà Thành phố (kinh phí duy tu đò phà)	15,456	22,560	
--	-----------------------------------------------------------------------------------	--------	--------	--

Thành phố Hồ Chí Minh**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2015 VÀ NĂM 2016***(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)*

Nội dung chi	Năm 2015		Năm 2016	
1. Sự nghiệp giáo dục đào tạo				
- Nhà trẻ	10.065.297 đồng/HS/năm		10.065.297 đồng/HS/năm	
- Mẫu giáo	6.572.341 đồng/HS/năm		6.572.341 đồng/HS/năm	
- Tiểu học	4.437.780 đồng/HS/năm		4.437.780 đồng/HS/năm	
- Trung học cơ sở	4.488.494 đồng/HS/năm		4.488.494 đồng/HS/năm	
- Trung học phổ thông	5.504.491 đồng/HS/năm		5.504.491 đồng/HS/năm	
<i>Trung học phổ thông chuyên</i>	16.964.983 đồng/HS/năm		16.964.983 đồng/HS/năm	
- <u>Trung tâm Giáo dục thường xuyên</u>				
+ Định mức/biên chế	92,978 triệu đồng/BC/năm		92,978 triệu đồng/BC/năm	
- <u>Trung tâm Giáo dục hướng nghiệp dạy nghề</u>				
+ Định mức/biên chế	92,978 triệu đồng/BC/năm		92,978 triệu đồng/BC/năm	
- <u>Trường Bồi dưỡng Giáo dục</u>	92,978 triệu đồng/BC/năm		92,978 triệu đồng/BC/năm	
- <u>Trường Khuyết tật</u>	100,395 triệu đồng/BC/năm		100,395 triệu đồng/BC/năm	
2. Sự nghiệp y tế				
<u>Chi chữa bệnh:</u>				
- Bệnh viện thành phố	94,235 triệu đồng/GB/năm		91,840 triệu đồng/GB/năm	
- Bệnh viện quận huyện	70,760 triệu đồng/GB/năm		66,426 triệu đồng/GB/năm	
<u>Chi phòng bệnh</u>				
- Trung tâm Y tế dự phòng	88,855 triệu đồng/GB năm		88,855 triệu đồng/GB năm	
- Công tác phòng dịch	51.400 đồng/người dân/năm		51.400 đồng/người dân/năm	
3. Quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	Biên chế	Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP
- <i>Quản lý nhà nước</i>				
+ Thành phố	117 triệu đồng/BC/năm	91 triệu đồng/HĐ/năm	117 triệu đồng/BC/năm	91 triệu đồng/HĐ/năm
<i>Riêng: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố</i>	159 triệu đồng/BC/năm	108 triệu đồng/HĐ/năm	159 triệu đồng/BC/năm	108 triệu đồng/HĐ/năm
<i>Riêng: Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố</i>	173 triệu đồng/BC/năm	122 triệu đồng/HĐ/năm	173 triệu đồng/BC/năm	122 triệu đồng/HĐ/năm

+ Quận huyện	117 triệu đồng/BC/năm	91 triệu đồng/HĐ/năm	117 triệu đồng/BC/năm	91 triệu đồng/HĐ/năm
+ Phường xã	83 triệu đồng/BC/năm		83 triệu đồng/BC/năm	
- Chi khu phố ấp, tổ dân phố				
+ Khu phố, ấp	5,75 triệu đồng/khu phố/tháng		5,75 triệu đồng/khu phố/tháng	
<i>Riêng các xã nông thôn mới</i>	<i>6,25 triệu đồng/khu phố/tháng</i>		<i>6,25 triệu đồng/khu phố/tháng</i>	
+ Tổ dân phố, tổ nhân dân	575.000 đồng/tổ/tháng		575.000 đồng/tổ/tháng	
<i>Riêng các xã nông thôn mới</i>	<i>725.000 đồng/tổ/tháng</i>		<i>725.000 đồng/tổ/tháng</i>	
- Đảng				
+ Các Ban Thành ủy	192 triệu đồng/BC/năm	192 triệu đồng/HĐ/năm	192 triệu đồng/BC/năm	192 triệu đồng/HĐ/năm
+ Các Đảng ủy trực thuộc	150 triệu đồng/BC/năm	150 triệu đồng/HĐ/năm	150 triệu đồng/BC/năm	150 triệu đồng/HĐ/năm
+ Quận huyện ủy, Đảng ủy cấp trên cơ sở	147 triệu đồng/BC/năm	147 triệu đồng/HĐ/năm	147 triệu đồng/BC/năm	147 triệu đồng/HĐ/năm
- Đoàn thể (thành phố)				
+ Mặt trận tổ quốc	155 triệu đồng/BC/năm	113 triệu đồng/HĐ/năm	155 triệu đồng/BC/năm	113 triệu đồng/HĐ/năm
+ Thành đoàn	124 triệu đồng/BC/năm	82 triệu đồng/HĐ/năm	124 triệu đồng/BC/năm	82 triệu đồng/HĐ/năm
+ Hội liên hiệp phụ nữ	137 triệu đồng/BC/năm	95 triệu đồng/HĐ/năm	137 triệu đồng/BC/năm	95 triệu đồng/HĐ/năm
+ Hội cựu chiến binh	138 triệu đồng/BC/năm	96 triệu đồng/HĐ/năm	138 triệu đồng/BC/năm	96 triệu đồng/HĐ/năm
+ Hội nông dân	136 triệu đồng/BC/năm	89 triệu đồng/HĐ/năm	136 triệu đồng/BC/năm	89 triệu đồng/HĐ/năm
+ Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật	113 triệu đồng/BC/năm	80 triệu đồng/HĐ/năm	113 triệu đồng/BC/năm	80 triệu đồng/HĐ/năm
+ Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị	126 triệu đồng/BC/năm	101 triệu đồng/HĐ/năm	126 triệu đồng/BC/năm	101 triệu đồng/HĐ/năm
+ Hội Chữ Thập đỏ thành phố	94 triệu đồng/BC/năm	80 triệu đồng/BC/năm	94 triệu đồng/BC/năm	80 triệu đồng/BC/năm
- Đoàn thể (quận - huyện)				
+ <u>Phần chi cho con người</u>	<p>Mức khoán lương = hệ số lương bình quân x lương cơ sở x 12 tháng x (100%+23%+8%+3%+25%) Trong đó: - 23% gồm: 18%BHXH + 3%BHYT + 2%KPCĐ - 8%: Kinh phí khen thưởng và 3% hệ số tăng lương bình quân (theo Kết luận số 18-KL/TU ngày 29/4/2008 của Thành ủy) - 25%: Phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP</p>		<p>Mức khoán lương = hệ số lương bình quân x lương cơ sở x 12 tháng x (100%+23%+8%+3%+25%) Trong đó: - 23% gồm: 18%BHXH + 3%BHYT + 2%KPCĐ - 8%: Kinh phí khen thưởng và 3% hệ số tăng lương bình quân (theo Kết luận số 18-KL/TU ngày 29/4/2008 của Thành ủy) - 25%: Phụ cấp công vụ theo Nghị định số 34/2012/NĐ-CP</p>	
+ <u>Phần chi cho hoạt động</u>	48,775 triệu đồng/BC/năm		48,775 triệu đồng/BC/năm	
- Nhà Thiếu nhi (quận - huyện)				

<p>+ <u>Phần chi cho con người</u></p>	<p>Thực hiện theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.</p>	<p>Thực hiện theo quy định tại Thông báo số 2236-TB/TU ngày 24/6/2015 của Ban Thường vụ Thành ủy và Công văn số 5761/UBND-VX ngày 23/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí hoạt động của Nhà thiếu nhi quận, huyện. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức khoán/biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt = hệ số lương bình quân x lương cơ sở x 12 tháng x (100%+24% các khoản đóng góp gồm 18%BHXH, 3%BHYT, 2%KPCD, 1%BHTN). - Tiền công đối với nhân viên bảo vệ, tạp vụ: mức lương khoán 2.000.000 đồng/người/tháng (tạm tính tương tự như Trung tâm Bồi dưỡng chính trị quận - huyện).
<p>+ <u>Phần chi cho hoạt động</u></p>		<p>48 triệu đồng/BC/năm</p>

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH KHỎI QUẬN - HUYỆN NĂM 2016**Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)

Đvt: Triệu đồng

QUẬN - HUYỆN	TỔNG THU NSNN NĂM 2016		TỔNG THU NGÂN SÁCH QUẬN - HUYỆN NĂM 2016	Trong đó			
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phần đầu		Thu điều tiết Ngân sách quận - huyện	Thu bổ sung từ Ngân sách thành phố	Nguồn Cải cách tiền lương của quận - huyện đưa vào cân đối chi thường xuyên năm 2016	Ghi thu quản lý qua ngân sách
Tổng số	43,467,089		17,043,485	6,423,435	9,711,037	398,924	510,089
Quận 1	8,535,292	Tăng tối thiểu 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh	835,067	778,300	8,348	29,127	19,292
Quận 2	1,176,888		446,897	168,532	255,541	10,936	11,888
Quận 3	3,171,338		590,529	502,756	58,827	7,608	21,338
Quận 4	969,875		440,036	148,457	268,940	9,664	12,975
Quận 5	1,491,185		633,182	267,387	338,136	5,474	22,185
Quận 6	968,947		703,493	175,830	492,128	12,588	22,947
Quận 7	2,614,242		518,137	333,695	156,707	10,493	17,242
Quận 8	957,415		759,252	171,265	550,174	14,698	23,115
Quận 9	1,006,567		617,771	152,464	417,591	27,149	20,567
Quận 10	1,878,319		552,742	283,580	246,487	7,356	15,319
Quận 11	936,229		573,852	158,973	387,412	10,238	17,229
Quận 12	1,382,230		788,994	255,354	488,079	18,331	27,230
Quận Phú Nhuận	2,251,500		455,184	359,628	73,875	9,181	12,500
Quận Gò Vấp	1,605,065		1,021,699	280,250	677,081	26,303	38,065
Quận Bình Thạnh	3,353,297	862,482	590,097	201,289	42,799	28,297	
Quận Tân Bình	2,888,199	954,837	546,275	364,211	11,152	33,199	
Quận Tân Phú	1,647,565	827,451	278,084	509,269	11,533	28,565	
Quận Bình Tân	1,867,810	869,334	304,114	508,173	30,237	26,810	
Quận Thủ Đức	1,254,759	800,515	188,090	572,267	13,399	26,759	

Huyện Củ Chi	545,980		1,068,943	91,423	938,745	14,795	23,980
Huyện Hóc Môn	824,323		893,029	122,790	718,763	27,153	24,323
Huyện Bình Chánh	1,179,533		946,508	180,785	722,458	20,732	22,533
Huyện Nhà Bè	889,286		377,107	74,287	274,233	21,101	7,486
Huyện Cần Giờ	71,245		506,444	11,019	482,303	6,877	6,245

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)*

STT	Quận - huyện	Các khoản thu phân chia tỷ lệ %		Các khoản thu điều tiết NSQH 100%	Tỷ trọng lệ phí trước bạ nhà đất/ Tổng lệ phí trước bạ
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Môn bài các DN do Chi cục thuế quản lý, thu khác thuế CTN, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu phí-lệ phí, thu khác của NS, thu xử phạt VPHC (*)	
A	B	1	2	3	4
1	Quận 1	11%	11%	100%	8.2%
2	Quận 2	23%	23%	100%	23.8%
3	Quận 3	20%	20%	100%	9.3%
4	Quận 4	23%	23%	100%	8.9%
5	Quận 5	23%	23%	100%	6.1%
6	Quận 6	23%	23%	100%	10.6%
7	Quận 7	17%	17%	100%	26.3%
8	Quận 8	23%	23%	100%	12.0%
9	Quận 9	23%	23%	100%	15.4%
10	Quận 10	22%	22%	100%	7.0%
11	Quận 11	23%	23%	100%	8.1%
12	Quận 12	23%	23%	100%	12.5%
13	Quận Phú Nhuận	22%	22%	100%	9.0%
14	Quận Gò Vấp	23%	23%	100%	8.7%
15	Quận Bình Thạnh	23%	23%	100%	8.2%
16	Quận Tân Bình	23%	23%	100%	7.8%
17	Quận Tân Phú	23%	23%	100%	11.0%
18	Quận Bình Tân	23%	23%	100%	17.8%
19	Quận Thủ Đức	23%	23%	100%	9.9%
20	Huyện Củ Chi	23%	23%	100%	12.7%

21	Huyện Hóc Môn	23%	23%	100%	17.9%
22	Huyện Bình Chánh	23%	23%	100%	21.5%
23	Huyện Nhà Bè	23%	23%	100%	32.1%
24	Huyện Cần Giờ	23%	23%	100%	21.9%

(*) Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính điều tiết theo nguyên tắc cấp nào ra quyết định xử phạt thì được điều tiết 100% cho ngân sách cấp đó (trừ lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH KHỐI QUẬN - HUYỆN NĂM 2016**Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015)

Đvt: triệu đồng

Stt	Quận- huyện	Dự toán năm 2016 (*)	Bao gồm				II/ Ghi chi quản lý qua ngân sách
			I/ Chi thường xuyên	Trong đó			
				<i>Sự nghiệp GD-ĐT và dạy nghề</i>	<i>Sự nghiệp y tế</i>	<i>Dự phòng ngân sách</i>	
A	Tổng số	17,043,485	16,533,396	6,752,933	866,757	313,346	510,089
1	Quận 1	835,067	815,775	228,767	23,914	12,004	19,292
2	Quận 2	446,897	435,009	145,337	32,149	8,431	11,888
3	Quận 3	590,529	569,191	245,931	24,025	10,834	21,338
4	Quận 4	440,036	427,061	141,036	26,909	8,168	12,975
5	Quận 5	633,182	610,997	243,800	23,491	11,462	22,185
6	Quận 6	703,493	680,546	255,316	30,177	12,913	22,947
7	Quận 7	518,137	500,895	204,736	30,401	9,604	17,242
8	Quận 8	759,252	736,137	277,969	40,295	14,051	23,115
9	Quận 9	617,771	597,204	247,888	32,780	11,557	20,567
10	Quận 10	552,742	537,423	188,026	27,492	10,252	15,319
11	Quận 11	573,852	556,623	204,831	27,483	10,789	17,229
12	Quận 12	788,994	761,764	361,838	41,190	14,471	27,230
13	Quận Phú Nhuận	455,184	442,684	149,570	25,630	8,454	12,500
14	Quận Gò Vấp	1,021,699	983,634	446,190	46,534	18,975	38,065
15	Quận Bình Thạnh	862,482	834,185	332,727	28,966	15,886	28,297
16	Quận Tân Bình	954,837	921,638	382,167	37,491	17,429	33,199
17	Quận Tân Phú	827,451	798,886	351,796	49,192	15,423	28,565
18	Quận Bình Tân	869,334	842,524	369,093	69,912	15,988	26,810
19	Quận Thủ Đức	800,515	773,756	353,338	66,193	14,787	26,759
20	Huyện Củ Chi	1,068,943	1,044,963	460,890	44,840	20,268	23,980
21	Huyện Hóc Môn	893,029	868,706	443,701	25,528	16,875	24,323
22	Huyện Bình Chánh	946,508	923,975	417,025	54,690	17,803	22,533

23	Huyện Nhà Bè	377,107	369,621	160,160	26,610	7,150	7,486
24	Huyện Cần Giờ	506,444	500,199	140,801	30,865	9,772	6,245

(*) Dự toán chi ngân sách quận - huyện năm 2016 chưa bố trí:

- Nguồn vốn đầu tư phân cấp từ ngân sách thành phố.
- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

(**) Dự toán chi ngân sách quận - huyện năm 2016 bao gồm khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2016 (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để thực hiện cải cách tiền lương.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về chương trình hoạt động giám sát năm 2016
của Hội đồng nhân dân thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 20
(Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 12 năm 2015)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Xét Tờ trình số 601/TTr-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về chương trình hoạt động giám sát năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất tổ chức các hoạt động giám sát trong năm 2016, gồm các nội dung:

1. Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII xem xét báo cáo công tác cả nhiệm kỳ 2011 - 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố theo luật định.

2. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm, Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX nhiệm kỳ 2016 -2021 xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố; tiến hành hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; chương trình hoạt động giám sát toàn khóa.

3. Giám sát chuyên đề:

a) Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII giám sát công tác tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

b) Giám sát về thực hiện chương trình nông thôn mới; tái giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII về hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh; Giám sát chuyên đề về cải cách hành chính trên lĩnh vực cấp phép xây dựng, cấp phép đầu tư.

c) Phối hợp tham gia giám sát một số chuyên đề cùng với các Ủy ban của Quốc hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát, tái giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố trong thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố. Tùy tình hình, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức chất vấn giữa hai kỳ họp; tổ chức hội nghị chuyên đề về các nội dung mà đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và cử tri quan tâm, tổ chức thu thập ý kiến nhân dân hỗ trợ cho hoạt động giám sát; thực hiện tốt chế độ báo cáo tổng hợp, công tác phối hợp, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát.

Điều 3. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố dành thời gian thích hợp tham gia các hoạt động giám sát, tái giám sát do Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức; tăng cường tiếp xúc cử tri, tiếp công dân để kịp thời phản ánh và theo dõi đôn đốc các cơ quan, đơn vị giải quyết và trả lời các kiến nghị của cử tri theo luật định.

Điều 4. Các cơ quan, tổ chức được giám sát báo cáo và cung cấp kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 5. Tại kỳ họp cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo đánh giá việc thực hiện chương trình giám sát năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 20 (Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 12 năm 2015)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội Khóa XII về Thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân của huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2015;

Xét Tờ trình số 7407/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố, Báo cáo thẩm tra số 620/BC-KTNS ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố

về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2016.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2015:

1. Năm 2015, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, tình hình biển Đông có những diễn biến mới phức tạp, gay gắt; kinh tế thế giới phục hồi chậm, kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng sự phát triển của thành phố.

Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, kinh tế thành phố vẫn tiếp tục phát triển tích cực, đạt mức tăng trưởng khá cao, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh được cải thiện, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng, 4 ngành công nghiệp trọng yếu có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng chung của ngành công nghiệp thành phố, tăng trưởng kinh tế giảm phụ thuộc vào vốn đầu tư. Tổng sản phẩm nội địa ước tăng 9,8% so cùng kỳ, cao nhất trong 4 năm liên tiếp (năm 2012 tăng 9,2%, năm 2013 tăng 9,3%, năm 2014 tăng 9,6%), chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt (ước cả năm 2015 tăng khoảng 1%, thấp hơn mức tăng của cả nước là 2%). Hoàn thành vượt chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước (ước đạt 267.955 tỷ đồng, đạt 100,82% dự toán, tăng 7,79% so với cùng kỳ). Tình hình đầu tư của doanh nghiệp trong nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục có chuyển biến tích cực. Các Chương trình hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định, phát triển sản xuất - kinh doanh.

Quản lý đô thị được tăng cường, đạt hiệu quả thiết thực; kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội được quan tâm đầu tư. Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng, có chuyển biến tích cực.

Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa... có tiến bộ; tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 40 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, có tác động lan tỏa tích cực trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân thành phố. Hoàn thành xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại trung tâm thành phố và Cung thỉnh Tượng Bác Hồ với thiếu nhi về Nhà Thiếu nhi thành phố. Huy động sức dân chăm lo cho dân đạt nhiều kết quả tốt, nhất là chăm lo Tết, chăm lo các đối tượng thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo; hoàn thành sớm Chương trình giảm nghèo thành phố giai đoạn 2014 - 2015. Thành phố phấn đấu cơ bản hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới (có 3 huyện: Củ Chi, Hóc Môn và Nhà Bè được công nhận

huyện Nông thôn mới), góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Tuy nhiên năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của kinh tế thành phố còn thấp, công tác quản lý và phát triển đô thị còn nhiều bất cập; tình trạng ngập nước, ùn tắc giao thông vẫn còn tiếp diễn; việc ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, sản xuất còn hạn chế; công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực môi trường còn một số bất cập; chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Một số vấn đề bức xúc trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, việc làm... chậm được khắc phục. Việc thực hiện một số tiêu chí nông thôn mới chất lượng còn hạn chế. Tai nạn giao thông, tình hình cháy, nổ trên địa bàn còn diễn biến phức tạp. Tình trạng khiếu nại, tố cáo ở một số dự án kéo dài chưa được tập trung giải quyết triệt để. Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng quan liêu, nhũng nhiễu, tiêu cực chưa giải quyết triệt để, những vấn đề bức xúc của nhân dân vẫn còn tồn tại ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Những hạn chế, yếu kém trên có nhiều nguyên nhân, chủ yếu do nguyên nhân chủ quan. Những biến động phức tạp, khó lường của thế giới và khu vực tác động trực tiếp đến kinh tế - xã hội thành phố trong khi năng lực phân tích, công tác dự báo chưa tốt, chưa kịp thời. Công tác quản lý, điều hành của chính quyền thành phố có mặt còn hạn chế, chậm khắc phục hoặc khắc phục chưa triệt để. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa chặt chẽ. Chưa triển khai đồng bộ các chủ trương, biện pháp mang tính đột phá để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và nhân dân. Một bộ phận cán bộ, công chức viên chức còn những thiếu sót, gây phiền hà cho nhân dân, chưa sâu sát cơ sở, nặng thành tích, kết quả thi đua chưa thực chất.

II. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2016

Năm 2016 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trước sức ép rất lớn từ lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế, năng lực cạnh tranh, vấn đề biển Đông, đối ngoại, những yêu cầu mới từ thực tiễn đời sống nhân dân, việc thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2016 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo thế và lực mới để phát triển thành phố, đòi hỏi chính quyền, nhân dân thành phố phải nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa. Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2016 như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế gắn với việc nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố đi vào chiều sâu, chất lượng và hiệu quả; phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng gắn với chỉnh trang đô thị, cung cấp nước sạch, giảm ùn tắc giao thông, giảm ngập nước, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển bền vững; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng sống của nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách hành chính; mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- (1) Tổng sản phẩm nội địa (GRDP) trên địa bàn tăng 8%.
- (2) Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 30% GRDP.
- (3) Tỷ trọng đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào GRDP từ 35% trở lên.
- (4) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề đạt 75%.
- (5) Tạo việc làm mới cho 125.000 lao động. Tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 4,5%.
- (6) Giảm 1% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Chương trình “Giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2016 - 2020”.
- (7) Tỷ lệ hộ dân thành phố được cấp nước sạch đạt 100%.
- (8) Tổng diện tích nhà ở xây dựng mới năm 2016 là 8 triệu m², diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 17,85 m².
- (9) Đạt 248 phòng học trên 10.000 dân trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi).
- (10) Đạt tỷ lệ 16 bác sĩ và 42 giường bệnh trên 10.000 dân.
- (11) Tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp và chất thải y tế đạt 100%.
- (12) Phân đầu thành phố thuộc nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước về xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR-index).

III. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Hội đồng nhân dân thành phố cơ bản thống nhất với các nhiệm vụ và giải pháp do Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tại kỳ họp; nhất là rà soát, bổ sung nâng chất việc xây dựng kế hoạch đẩy mạnh thực hiện 7 chương trình đột phá, trong đó lưu ý

chương trình Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chương trình Chính trang và phát triển đô thị. Một số nội dung cần tập trung như sau:

1. Về phát triển kinh tế:

Triển khai hiệu quả các chính sách, giải pháp của Trung ương, đồng thời triển khai thực hiện Chương trình đột phá về nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố, tập trung nguồn lực thực hiện Đề án Tái cấu trúc kinh tế thành phố giai đoạn 2015 - 2020. Nâng tỷ trọng các yếu tố năng suất tổng hợp đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của thành phố. Phát triển nhanh các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có hàm lượng tri thức, giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp công nghệ cao, tiếp tục tập trung phát triển 4 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu trên cơ sở xác định chiến lược phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn. Nâng cao chất lượng các tiêu chí thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Chủ động triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, nhanh chóng sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, về vốn, mặt bằng và đổi mới công nghệ. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường.

Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường tín dụng, vàng và ngoại hối trên địa bàn. Thường xuyên theo dõi, kịp thời cập nhật, nghiên cứu kỹ các quy định và phổ biến chính sách thương mại quốc tế, đề xuất các biện pháp hỗ trợ phát triển sản xuất khi Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN, Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), các hiệp định tự do thương mại (FTA) song phương, đa phương.

Đẩy mạnh liên kết Vùng, phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm công nghệ cao, trung tâm tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của khu vực với các vệ tinh cung cấp sản phẩm hỗ trợ, nguyên liệu công nghiệp chế biến, nguồn thực phẩm sạch, an toàn từ các tỉnh, thành phố trong Vùng.

2. Về xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị bền vững

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, thiết kế và quản lý đô thị; công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh; triển khai đồng bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020 tầm nhìn 2025.

Tập trung xây dựng kế hoạch triển khai 4 chương trình đột phá của thành phố về quản lý đô thị (giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường, chỉnh trang và phát triển đô thị) ngay từ năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X. Phát huy tốt hơn vai trò của Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước thành phố, đẩy mạnh kêu gọi và tập trung thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức hợp tác công - tư (PPP). Tranh thủ tối đa các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn, có tác dụng lan tỏa. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định pháp luật để đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, tạo vốn, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, từ nhiều thành phần kinh tế để phát triển kết cấu hạ tầng, huy động mọi nguồn lực tập trung phát triển nhanh đường sắt đô thị.

Nâng cao hiệu quả đầu tư công, tránh lãng phí, dàn trải. Quan tâm công tác giải phóng mặt bằng, tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của thành phố. Tập trung nguồn vốn đầu tư và bổ sung chính sách thu hút các thành phần kinh tế đầu tư để chỉnh trang và phát triển đô thị. Tiếp tục đẩy mạnh việc di dời toàn bộ nhà ở trên và ven kênh rạch, tổ chức lại cuộc sống dân cư tốt hơn về việc học, việc làm, đi lại, khám chữa bệnh, giải trí lành mạnh. Đẩy mạnh xây dựng mới các chung cư cũ, triển khai mạnh các dự án phát triển nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân. Đẩy mạnh chỉnh trang các khu phố còn nhiều nhà lụp xụp, đồng thời thu hút đầu tư xây dựng các khu đô thị mới. Tiếp tục sử dụng hiệu quả vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên. Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh và cải thiện đời sống nhân dân.

Tập trung triển khai các giải pháp đồng bộ, kịp thời, tạo chuyên biến rõ rệt về tình trạng ngập úng, trước tiên phải khắc phục ngập úng tại khu vực trung tâm thành phố. Quản lý chặt chẽ quy hoạch xây dựng; bảo vệ, xây dựng các hồ điều tiết; giải tỏa, nạo vét, khơi thông hệ thống kênh, rạch để tiêu thoát nước nhanh; xử lý hiệu quả

và kịp thời tình trạng lấn chiếm kênh rạch; tăng cường quản lý, tiến tới hạn chế khai thác nước ngầm tránh nguy cơ sụt lún. Tập trung đầu tư thực hiện các dự án thuộc quy hoạch thoát nước, chống ngập úng từ nguồn vốn ngân sách thành phố, ODA, PPP, quỹ đất và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Về giáo dục - đào tạo

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện chương trình đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020; nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, bậc học, chú trọng ngoại thành, các quận ven; đổi mới công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp; đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường, lớp theo Đề án Quy hoạch mạng lưới trường lớp. Nâng cao chất lượng công tác dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội.

4. Về khoa học công nghệ

Quan tâm đầu tư phát triển khoa học - công nghệ; gắn kết hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với thực tiễn và nhu cầu phát triển. Nâng cao năng lực quản lý, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thích hợp nhằm phát huy tiềm năng khoa học và công nghệ, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ; thu hút các chuyên gia, trí thức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

5. Về phát triển văn hóa, xây dựng con người

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Xây dựng môi trường văn hóa đô thị lành mạnh, hiện đại, văn minh, nghĩa tình, tôn trọng pháp luật, kỷ cương, tác phong công nghiệp, đồng thời mang nét đặc trưng của văn hóa Nam bộ, thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư những công trình văn hóa trọng điểm mang tính biểu trưng và có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân thành phố. Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”; phát động sâu rộng phong trào “Vì Thành phố văn minh - sạch đẹp - an toàn”.

6. Về y tế, thể dục - thể thao và đảm bảo an sinh xã hội

Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các bệnh viện chuyên khoa, khu điều trị kỹ thuật cao, các bệnh viện vệ tinh: đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Nhi đồng thành phố, khởi công Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2 theo tiêu chuẩn quốc tế. Tiếp tục

củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành y tế, đảm bảo số lượng, chất lượng theo yêu cầu; tập trung các giải pháp tạo chuyển biến căn bản, rõ rệt tình trạng quá tải ở các bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các phong trào thể dục - thể thao quần chúng, nâng cao thể chất của Nhân dân; chú trọng đầu tư phát triển thể dục - thể thao học đường; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể thao. Phát triển thể thao thành tích cao. Đầu tư xây dựng Khu Liên hợp thể thao Rạch Chiềc.

Triển khai có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2016 - 2020, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, nhà ở, điều kiện sống và thông tin) nhằm cải thiện, nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống cho người nghèo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo trợ xã hội.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Xây dựng kế hoạch và triển khai chương trình đột phá về cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, phục vụ Nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện chủ trương tinh giản biên chế gắn với thực hiện Đề án vị trí việc làm; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, sát hợp với đặc điểm, tính chất của đô thị đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đề cao trách nhiệm đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ công chức; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Tập trung thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân và khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn chặt với thế trận an

ninh nhân dân, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với lực lượng công an trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm, chuyển hóa địa bàn; triển khai các giải pháp đồng bộ kéo giảm tai nạn giao thông. Nâng cao ý thức của người dân về phòng, chống cháy, nổ; làm tốt công tác phòng ngừa, có phương án xử lý hiệu quả các tình huống khủng bố, thảm họa do cháy, nổ và các sự cố khác.

Tiếp tục tổ chức đón tiếp chu đáo và trọng thị các đoàn khách quốc tế đến thành phố. Triển khai có hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã được ký kết. Tích cực hoàn thiện và triển khai đề án tổng thể về công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại về các chủ đề biển Đông, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), Cộng đồng kinh tế ASEAN..., tăng cường, đổi mới hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh đất nước và thành phố để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và kiều bào tham gia xây dựng đất nước.

9. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, nỗ lực thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị năm 2016

Năm 2016 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, cần tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ động thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư và các thông tin liên quan đến tình hình trong nước và quốc tế, bảo vệ chủ quyền biển, đảo,... để cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân hiểu rõ về tình hình và tạo sự đồng thuận trong nhân dân, chung sức, chung lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Tập trung chuẩn bị, tổ chức tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong năm 2016. Thực hiện chăm lo Tết Bính Thân 2016 đảm bảo Tết đến với mọi nhà, mọi người vui tươi, lành mạnh, an toàn.

IV. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có kế hoạch tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao Nghị quyết này.

Các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc Thành phố chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, đơn vị; trong đó quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công cụ thể người phụ trách, thực hiện. Chủ động theo dõi, kiểm tra để đề xuất chính sách phù hợp, kịp thời và linh hoạt; kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả.

Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố cùng các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội được thành lập theo quy định của pháp luật tăng cường giám sát, phát động các phong trào hành động thiết thực, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của người dân đến các cấp chính quyền.

Hội đồng nhân dân thành phố kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, nêu cao tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, nắm bắt thời cơ, quyết tâm vượt qua khó khăn để thực hiện thắng lợi Kế hoạch kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố năm 2016.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015

CHỈ THỊ
**Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và ngân sách
năm 2016**

Năm 2015, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm, kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng sự phát triển của Thành phố. Tuy nhiên, với nỗ lực khắc phục khó khăn của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, Thành phố đạt và vượt nhiều chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - văn hóa - xã hội và ngân sách, góp phần quan trọng hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX.

Năm 2016 là năm có ý nghĩa quan trọng, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp. Trên cơ sở quán triệt Kết luận số 116-KL/TQ ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết số 98/2015/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Kết luận số 49-KL/TU ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa X về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, ngân sách năm 2015 và mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp chủ yếu năm 2016, Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 kỳ họp lần thứ 20 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, thu chi ngân sách năm 2016; để tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, khắc phục các thiếu sót, vượt qua khó khăn, hoàn thành đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2016, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty và doanh nghiệp trực thuộc Thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tổ chức quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức về các nội dung chủ yếu trong Nghị quyết, Kết luận của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định Ủy ban nhân dân Thành phố về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và thu chi ngân sách Thành phố năm 2016.

Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ban Thường vụ Thành ủy về học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020; tập trung quán triệt sâu sắc, nắm vững mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Nghị quyết Đại hội; chủ động xây dựng chương trình hành động, kế hoạch và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước thực hiện Nghị quyết Đại hội, lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; tăng cường công tác tuyên truyền về nội dung Nghị quyết Đại hội trên các phương tiện thông tin đại chúng; mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền trên các trang tin điện tử, các trang website thông tin nội bộ...; đẩy mạnh công tác thông tin, cổ động, triển lãm, các phóng sự, tư liệu giới thiệu về nội dung Nghị quyết Đại hội, phục vụ công tác tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội.

2. Khẩn trương triển khai kế hoạch thực hiện 7 Chương trình đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X, nội dung kế hoạch phải cụ thể, thiết thực, giải pháp triển khai phải khả thi, tổ chức thực hiện phải quyết liệt, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, tăng cường việc kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công, đảm bảo tiến độ, thời gian thực hiện các chương trình, dự án, công trình; trình Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 10 tháng 01 năm 2016.

3. Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng cao hơn năm 2015; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách, giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; đồng thời triển khai thực hiện Chương trình đột phá về nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố đi vào chiều sâu, chất lượng và hiệu quả thông qua nâng tỷ trọng các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học công nghệ; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện đạt hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh,

nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường; triển khai các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao xếp hạng các chỉ số PCI, PAPI, PAR-Index của Thành phố.

Phát triển nhanh các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có hàm lượng tri thức, giá trị gia tăng cao; đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch để phát triển kinh tế du lịch; thực hiện tốt công tác quản lý thị trường tín dụng, vàng và ngoại hối trên địa bàn. Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp công nghệ cao, tiếp tục phát triển mạnh 4 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn. Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học; tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2 (2016 - 2020). Tập trung triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, nhanh chóng sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất - kinh doanh; hoàn thành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch.

Chủ động, tích cực, khẩn trương tuyên truyền sâu rộng và triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất khi Việt Nam gia nhập Cộng đồng ASEAN, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), các hiệp định tự do thương mại (FTA) song phương, đa phương như: điều chỉnh, bổ sung các quy định, cơ chế thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; tham mưu ban hành các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường; đẩy mạnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, về vốn, mặt bằng và hỗ trợ đổi mới công nghệ; tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam", phát huy hiệu quả Chương trình bình ổn thị trường, tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

Xây dựng chương trình, kế hoạch đẩy mạnh liên kết hợp tác Vùng trong phát triển, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm... Triển khai Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2015, Quyết định số 2059/QĐ-TTg ngày

24 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, hoạt động hiệu quả.

4. Phần đầu đạt và vượt kế hoạch thu ngân sách nhà nước năm 2016 theo dự toán được giao. Tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính quyền địa phương, tiếp tục triển khai bố trí vốn hiệu quả và tiết kiệm. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế; tăng cường thực hiện các biện pháp xử lý nợ thuế có hiệu quả. Triệt để tiết kiệm trong sử dụng ngân sách, kiên quyết cắt giảm các khoản chi chưa thật cần thiết; cắt giảm tối đa các khoản chi hội nghị, hội thảo, lễ hội, khởi công, khánh thành công trình và đi công tác nước ngoài; tập trung công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị; tăng cường thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí.

5. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, ban hành quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, xây dựng. Tập trung thực hiện các giải pháp đồng bộ, toàn diện nhằm tạo chuyển biến căn bản tình trạng ùn tắc giao thông, ngập nước, ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh việc di dời toàn bộ nhà ở trên và ven kênh rạch, cải tạo, xây dựng mới các chung cư cũ, chỉnh trang các khu phố, triển khai mạnh các dự án phát triển nhà ở xã hội, tổ chức lại cuộc sống dân cư tốt hơn. Tập trung nguồn lực triển khai các giải pháp cung cấp nước sạch cho nhân dân. Tranh thủ tối đa các nguồn vốn ODA để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn, có tác dụng lan tỏa. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, quy định pháp luật để đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, tạo vốn, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước từ nhiều thành phần kinh tế; khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng hình thức PPP. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tăng cường phối hợp trong bảo vệ môi trường vùng và lưu vực sông Đồng Nai, Sài Gòn.

6. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện chương trình đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020; nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, bậc học, chú trọng ngoại thành, các quận ven; đổi mới công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp; đảm bảo tiến độ giải ngân các công trình, dự án xây dựng trường, lớp; đổi mới công tác hướng nghiệp trong học sinh, đầu tư; nâng cao chất lượng dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Quan tâm đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, gắn kết hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với yêu cầu quản lý, doanh nghiệp, thực tiễn và nhu cầu phát triển; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, tiếp cận khoa học công nghệ trong thanh thiếu niên. Nâng cao năng lực quản lý, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thích hợp nhằm phát huy tiềm năng khoa học và công nghệ, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ; thu hút các chuyên gia, trí thức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

Xây dựng môi trường văn hóa đô thị lành mạnh, hiện đại, văn minh, nghĩa tình, tôn trọng pháp luật, kỷ cương, tác phong công nghiệp, đồng thời mang nét đặc trưng của văn hóa Nam bộ, thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở” và phong trào “Vì Thành phố văn minh - sạch đẹp - an toàn”. Đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án: rạp xiếc, Khu di tích kỷ niệm tổng tiến công, nổi dậy Xuân Mậu Thân, tượng đài Thống nhất, tượng đài Nam bộ kháng chiến...

Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng Bệnh viện Nhi đồng thành phố, Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2, các bệnh viện chuyên khoa, khu điều trị kỹ thuật cao, các bệnh viện vệ tinh. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành y tế, đảm bảo số lượng, chất lượng theo yêu cầu; tập trung các giải pháp tạo chuyển biến căn bản, rõ rệt tình trạng quá tải ở các bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Quan tâm củng cố hệ thống y tế dự phòng; phòng ngừa hiệu quả các dịch bệnh. Tập trung triển khai các giải pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn như xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan chuyên môn (Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); kiểm soát chặt chẽ các nguyên, vật liệu đầu vào; công bố các doanh nghiệp, các cửa hàng buôn bán thực phẩm sạch, an toàn; thí điểm tổ chức lực lượng thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm, tăng tần suất thanh tra, xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm, công bố trên các phương tiện truyền thông; nâng cao ý thức của người dân về sử dụng thực phẩm an toàn...

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các phong trào thể dục - thể thao quần chúng, nâng cao thể chất của Nhân dân; chú trọng đầu tư phát triển thể dục - thể thao học đường; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể thao. Phát triển thể thao thành tích cao. Hoàn tất các thủ tục đầu tư xây dựng Khu Liên hợp thể thao Rạch Chiếc.

Triển khai có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2016 - 2020, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, nhà ở, điều kiện sống và thông tin) nhằm cải thiện, nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống cho người nghèo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công; thúc đẩy xã hội hóa hoạt động bảo trợ xã hội, huy động nguồn lực toàn xã hội chăm lo cho gia đình chính sách, neo đơn, khó khăn. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội sát hợp với thực tiễn cơ sở, chống lãng phí, ỷ lại, tiêu cực.

7. Triển khai thực hiện chương trình đột phá về cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, phục vụ Nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, thực hiện chủ trương tinh giản biên chế gắn với thực hiện Đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, sát hợp với đặc điểm, tính chất của đô thị đặc biệt. Xây dựng chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật. Đề cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị địa phương trong thực thi công vụ, phòng chống tham nhũng, lãng phí, trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

8. Tập trung thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân và khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn chặt với thế trận an ninh Nhân dân, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hoàn thành chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh năm 2016. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phối hợp chặt chẽ giữa các ban - ngành, đoàn thể với lực lượng công an trong công tác đấu tranh phòng, chống khủng bố, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ma

túy, mại dâm, chuyển hóa địa bàn; triển khai các giải pháp đồng bộ kéo giảm tai nạn giao thông. Nâng cao ý thức của người dân về phòng, chống cháy, nổ; tăng cường quản lý nhà nước trong công tác phòng cháy chữa cháy, có phương án xử lý hiệu quả các tình huống bạo loạn, khủng bố, thảm họa do cháy, nổ và các sự cố khác.

Tiếp tục tổ chức đón tiếp chu đáo và trọng thị các đoàn khách quốc tế đến thành phố. Triển khai có hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã được ký kết. Tăng cường, đổi mới hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh đất nước và thành phố để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và kiều bào tham gia xây dựng đất nước.

9. Phối với các ngành, các cấp chuẩn bị chu đáo và tổ chức thắng lợi bầu cử Quốc hội khóa XIV, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 đúng yêu cầu; đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, biên chế cán bộ, công chức, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

10. Về tổ chức thực hiện:

10.1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cụ thể hóa Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách Thành phố năm 2016 thành Chương trình, nhiệm vụ công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân Thành phố; thường xuyên theo dõi, đôn đốc chuẩn bị nội dung; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thông qua các đề án và ban hành kế hoạch thực hiện. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố xây dựng và thực hiện các chương trình công tác, các đề án hoạt động của hệ thống chính trị Thành phố đồng bộ, hiệu quả. Tổ chức giao ban, sơ kết, tổng kết kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch.

10.2. Lãnh đạo các sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Thành phố tổ chức quán triệt trong cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 và các chương trình, kế hoạch liên quan nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ chung; nỗ lực phấn đấu vượt

qua khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ngay từ tháng đầu, quý đầu, tạo động lực phát triển mạnh mẽ, toàn diện, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện; các giải pháp triển khai phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng của cơ quan, đơn vị; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết trực tiếp và kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc thành phố thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố, góp phần tích cực cùng cả nước hoàn thành đạt và vượt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2016./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng